TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ- ST.
Ngày: 10/3/2020.
Về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY-TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Chinh và ông Trần Đình Xứng.**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Đỗ Thị Hương**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* **Ông Phan Hà Thi**- Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 (Chuyển thụ lý mới sô 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020) về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* "; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Vũ Văn H**, sinh năm 1990.(Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N K, xã S N, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Nh**, sinh năm: 1992.(Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N K, xã S N, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn- anh Vũ Văn H trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã S N, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/3/2011.

Sau khi kết hôn anh và chị Nh chung sống hạnh phúc đến ngày 30/7/2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cãi vả nhau nên anh và chị Nh sống ly thân từ ngày 30/7/2013 cho đến nay. Sau khi sống ly thân, chị Nguyễn Thị Nh đi làm ăn xa, thời gian đầu anh H có chủ động liên lạc để về cùng lo làm ăn nuôi dạy con cái nhưng chị Nh không

đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Giữa anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Nh có 01 con chung Vũ Nguyễn H Ng, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Vũ Văn H. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Nh:* Quá trình giải quyết vụ án, khi thu thập chứng cứ xác định chị Nguyễn Thị Nh hiện không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng chị Nguyễn Thị Nh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc.

- Tại biên bản làm việc với anh Nguyễn Văn Tr (là anh ruột của chị Nguyễn Thị Nh) thể hiện: Do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng nên chị Nguyễn Thị Nh bỏ nhà đi làm công nhân từ năm 2013 đến nay nhưng không nói rõ địa chỉ đang ở đâu, cũng có về quê thăm gia đình vài ngày rồi lại đi làm xa. Hiện nay, gia đình vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với chị Nh.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Nhi theo quy định pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hải theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Vũ Nguyễn H Ng, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Vũ Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí về Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh Vũ Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Nh có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã S N, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum hiện không có mặt tại địa phương nhưng không khai báo tạm trú, tạm vắng. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Nh đã được Tòa án tiến hành Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Nh.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Vũ Văn H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn được UBND xã S N, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01, ngày 20/3/2011. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Nh là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn được một thời gian, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị Nh không có trách nhiệm xây dựng, lo lắng, chăm sóc con cái, đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Mặc dù anh H là người trực tiếp nuôi con nhưng trong thời gian qua chị Nh không về thăm con, không có ý

muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh H xác định không còn tình cảm với chị Nh nữa và yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung là Vũ Nguyễn H Ng, sinh ngày 01/01/2012.

Xét thấy, từ khi chị Nh bỏ nhà đi, anh H là người trực tiếp nuôi con chung. Cho đến nay, cuộc sống và việc học tập của cháu diễn ra bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Vũ Nguyễn H Ng có nguyện vọng muốn ở với ba là anh Vũ Văn H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con chung Vũ Nguyễn H Ng cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và sống tự lập được. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về phần án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí về Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" đề ngày 03/12/2019 của anh Vũ Văn H.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Vũ Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh

2. **Về con chung**: Giao con chung Vũ Nguyễn H Ng, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Vũ Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được . Anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. **Về án phí**: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000904, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Anh Vũ Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác: Anh Vũ Văn H phải chịu 2.305.000đ *(Hai triệu, ba trăm linh năm ngàn đồng)* chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Anh H đã nộp đủ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/3/2020), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Theo quy định tại các Điều 6 ; 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự năm 2009 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ry Thị Mỹ Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**